

Bản án số: 25/2024/DS-ST  
Ngày 18/9/2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hồng Duy.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Quang Hiền và ông Nguyễn Quang Châu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hải Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Vũ Hồng Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2024/TLST-DS, ngày 24 tháng 8 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 382/2024/QĐST – DS, ngày 11/9/2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà L, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà N, có mặt.

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Bà L; địa chỉ: Buôn S, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà N; địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

Ông T; địa chỉ Buôn S, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông A; địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, bà L, người được bà L ủy quyền L bà N, cũng như tại phiên tòa bà L và bà N trình bày:

Ngày 12/12/2019, bà L có đến nhà gặp bà L thỏa thuận vay số tiền gốc 65.000.000 đồng, các bên thỏa thuận miệng, ông T, bà L nhận tiền xong và ký xác nhận nợ vào giấy viết tay. Khi thỏa thuận, viết giấy nhận nợ có mặt bà L, bà L,

ông T, bà N, ông A. Các bên thỏa thuận thời hạn vay L một năm trả nợ gốc và lãi, lãi suất L 20.000 đồng/tháng/một triệu, việc thỏa thuận này không ghi vào giấy vay tiền, chỉ nói miệng.

Đến ngày 22/10/2021, ông T, bà L trả số tiền nợ gốc và bà L đã nhận đủ số tiền 65.000.000 đồng (Khi trả tiền có bà N, ông A, ông T, bà L và bà Đ). Bà L là người tự tính tiền lãi 29.000.000 đồng và ghi nợ lại tiền lãi vào giấy, xin trả sau vì làm ăn gặp khó khăn (tiền lãi tính từ ngày 12/12/2019 đến ngày 22/10/2021, lãi suất 20.000 đồng/tháng/một triệu).

Đối với số tiền lãi 29.000.000 đồng, bà Đ, bà N và ông A không biết có vi phạm quy định pháp luật về tính lãi. Vì bà L là người trực tiếp tính lãi và ghi nợ.

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lâm yêu cầu thanh toán số tiền lãi 29.000.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà Lâm xin thay đổi nội dung khởi kiện, bà Lâm yêu cầu tính lãi suất 20%/năm trong thời gian vay từ ngày 12/12/2019 đến 22/10/2021, thành tiền là 24.097.000 đồng. Bà Lâm có đơn thay đổi địa chỉ của bà Đ, ông T từ địa chỉ Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông thành Buôn S, xã Đ, huyện KL, tỉnh Đắk Nông.

Chứng cứ khởi kiện: 01 giấy vay tiền, ngày 12/12/2019 (đã gạch nội dung) do bà Đ và ông T ký tên thể hiện nội dung vay 65.000.000 đồng và 01 giấy ghi nợ lại số tiền lãi 29.000.000 đồng do bà Đ ghi và ký xác nhận nợ tiền lãi.

Nay bà L yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền lãi 24.097.000 đồng. Ngoài ra bà L không còn yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn bà Đ trình bày tại tự khai và biên bản lấy lời khai: Ngày 12/12/2019, bà Đ có đến gặp bà L mượn số tiền 65.000.000 đồng, hai bên thoả thuận miệng, bà Đ nhận tiền từ bà L và ký giấy viết tay xác nhận nợ, hai bên không thoả thuận thời điểm trả nợ và không thoả thuận về lãi suất, bà L không thế chấp tài sản hoặc giấy tờ có giá trị.

Khi thoả thuận mượn tiền tham gia có bà L, bà N và bà Đ, ngoài ra không có ai khác.

Ban đầu bà Đ là người đi mượn tiền và ký xác nhận nợ. Một thời gian sau ông T đến nhà bà N mua phân bón, bà L có kêu ông T ký xác nhận nợ số tiền 65.000.000 đồng nên ông T ký xác nhận nợ (trước đó bà Đ đã nói với ông T về việc vay tiền của bà L).

Đến ngày 22/10/2021, bà Đ đã thanh xong khoản nợ gốc với số tiền 65.000.000 đồng.

Đối với tiền 29.000.000 đồng, bà Đ bị bà L và bà N ép ký xác nhận nợ. Ngày 22/10/2021, bà Đ mang số tiền 65.000.000 đồng trả cho bà L, bà L đã cầm số tiền 65.000.000 đồng, bà N yêu cầu tính lãi suất 20.000 đồng/tháng/triệu đồng và thành tiền là 29.000.000 đồng. Nếu không đồng ý tính lãi thì bà L, bà N không gạch sổ ghi nợ 65.000.000 đồng. Bà Đ sợ mất tiền nên đành ghi và ký xác nhận nợ tiền lãi suất là 29.000.000 đồng.

Ngay từ đầu không thoả thuận về lãi suất, trong giấy ghi nhận nợ ngày

12/12/2019, không ghi về lãi suất, nhưng do bà L, bà N ép ký xác nhận nợ đối với số tiền lãi 29.000.000 đồng.

Trước đây, giữa bà Đ và bà L có thoả thuận vay tiền và tính lãi suất rất nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể vay và tính lãi suất như thế nào. Đối với khoản vay ngày 12/12/2019 là không thoả thuận về lãi suất ngay từ ban đầu.

Đối với giấy nhận nợ ngày 12/12/2019 và ngày 22/10/2021 nguyên đơn cung cấp và làm căn cứ khởi kiện, trong giấy có chữ ký và chữ viết của bà Đ, đúng chữ ký và chữ viết của bà Đ viết và ký.

Bà Đ không đồng ý trả số tiền 29.000.000 đồng, vì ngay từ ban đầu không ghi thoả thuận về lãi suất trong giấy ngày 12/12/2019.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông T trình bày: Ngày 12/12/2019, bà Đ có đến gặp bà L mượn số tiền 65.000.000 đồng, hai bên thoả thuận miệng và lập giấy viết tay, ký xác nhận nợ vào giấy viết tay, hai bên không thoả thuận thời điểm trả nợ và không thoả thuận về lãi suất (ông T nghe bà L nói lại).

Khi thoả thuận mượn số tiền 65.000.000 đồng giữa bà Đ với bà L, ông T không có mặt, ông T không tham gia thoả thuận và không ký xác nhận nợ. Thoả thuận cụ thể như thế nào thì ông T không biết.

Một thời gian sau, ông T đi học về và xuống nhà bà N mua phân bón cà phê thì gặp bà L và bà L kêu ông T ký xác nhận nợ số tiền 65.000.000 đồng, sau khi đọc nội dung và trước đó ông T đã nghe bà Đ có trao đổi về việc bà Đ có mượn tiền bà L nên ông T ký xác nhận nợ cho bà L.

Ông T đọc giấy nhận nợ mà bà L ký xác nợ thì không ghi thời hạn trả nợ và không ghi về lãi suất.

Ông T có nghe bà Đ nói là đã trả cho bà L số tiền nợ gốc 65.000.000 đồng. Còn đối với số tiền 29.000.000 đồng, nghe bà Đ nói về số tiền lãi, nhưng ông T nói với bà Đ là “kệ họ, họ tính kệ họ, sau này họ thích thì ra toà giải quyết”. Ông T có nói với bà Đ mang đến trả cho bà L số tiền 13.000.000 đồng, vì nghĩ rằng bà L tuổi già và hàng xóm nhưng bà L không nhận. Vì có nghe bà Đ nói là trả tiền lãi cho bà L theo lãi suất ngân hàng.

Đối với giấy nhận nợ ngày 12/12/2019, có chữ ký và chữ viết ông T, là đúng L chữ ký và chữ viết của ông T viết và ký ra. Ông T ký xác nhận nợ với số tiền 65.000.000 đồng, nhưng số tiền này đã được trả nợ xong cho bà L, còn số tiền 29.000.000 đồng là ông T không ký nhận.

Ông T không đồng ý với việc bà L khởi kiện số tiền 29.000.000 đồng, vì trong giấy nhận nợ ngày 12/12/2019 không ghi lãi suất, việc bà L ký nhận nợ tiền lãi 29.000.000 đồng là bà L bị ép buộc, bà N và bà L ép buộc bà Đ ký nhận nợ số tiền lãi 29.000.000 đồng.

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà N trình bày: Ông T và bà L có đến nhà bà L và hỏi vay tiền. Bà L cho bà Đ, ông T vay với số tiền 65.000.000 đồng với lãi suất thoả thuận 20.000 đồng/tháng/ triệu, vay tiền hai bên có viết giấy

viết tay và ông T, bà Đ ký xác nhận nợ số tiền 65.000.000 đồng, trong giấy không ghi lãi suất và thời gian trả nợ. Đến ngày 22/10/2021, ông T và bà Đ đến trả số tiền nợ gốc 65.000.000 đồng, bà Đ người tự tính tiền lãi, viết và ký xác nhận nợ tiền lãi 29.000.000 đồng. Nay nguyên đơn thay đổi nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền lãi: Yêu cầu tính lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 12/12/2019 đến ngày 22/10/2021, thành tiền 24.097.000 đồng cho bà L.

Nay đề nghị bà Đ thanh toán số tiền lãi 24.097.000 đồng cho bà L.

5. Người Lm chứng ông A trình bày: Ông A chỉ chứng kiến việc ông T, bà Đ đến vay và trả tiền với bà L. Ông T, bà Đ đến vay tiền của bà L, bà N là con gái của bà L nên giao tiền của bà L giao cho bà Đ, ông T với số tiền 65.000.000 đồng, thỏa thuận với lãi suất 20.000 đồng/tháng/triệu, thời hạn vay là một năm, trả gốc và lãi một lần. Sau khi nhận tiền, ông T, bà Đ ký xác nhận nợ vào giấy viết tay ngày 12/12/2019. Ngày 22/10/2021, ông T, bà Đ đã trả được số tiền nợ gốc 65.000.000 đồng, sau đó bà Đ tự tính lãi và ghi nợ số tiền lãi 29.000.000 đồng, bà Đ người ký xác nhận nợ tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, xác định những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn và ông T vắng mặt tại đối chất, phiên họp và hòa giải, tại phiên tòa là chưa chấp hành theo quy định của pháp luật, cố tình vắng mặt không có lý do, bị đơn đã từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện và nội dung thay đổi nội dung khởi kiện tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu tính lãi suất tính từ ngày 12/12/2019 đến 22/10/2021 với mức lãi suất 20%/năm, thành tiền 24.097.000 đồng. Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của bà L, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Đ, ông T sinh sống tại thôn Buôn S, xã Đ, huyện KL, tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý và giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L, bà N, ông A chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Tuy nhiên, bà Đ, ông T không tham gia buổi đối chất, tại phiên họp và hoà giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được tổng đạt trực tiếp.

Khi thụ lý vụ án, xác định ông A là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, ông A khai: Ông A chứng kiến toàn bộ sự việc ông T, bà Đ đến vay và trả tiền, viết và ký vào giấy xác nhận nợ vào ngày 12/12/2019 và ngày 22/10/2021”, ông A không cho ông T, bà Đ vay tiền, không tham gia vào việc thoả thuận vay tiền. Nên xác định ông A là người làm chứng trong vụ án này.

[3] Nguyên đơn bà L cung cấp căn cứ khởi kiện là giấy ghi nợ số tiền gốc 65.000.000 đồng vào ngày 12/12/2019 và giấy ghi nhận nợ tiền lãi suất với số tiền 29.000.000 đồng vào ngày 22/10/2021. Bị đơn bà Đ, ông T không cung cấp chứng cứ, tài liệu nào liên quan đến vụ án. Do đó, đương sự không cung cấp và không cung cấp thêm chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai các bên cũng như các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Bà Đ, ông T có vay của bà L với số tiền 65.000.000 đồng. Bà Đ, ông T đã thanh toán số tiền nợ gốc 65.000.000 đồng bà L. Nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đều thừa nhận trong giấy ghi nợ ngày 12/12/2019, người ký xác nhận nợ là ông T, bà Đ. Giấy ghi nợ ngày 22/10/2021, người ký xác nhận nợ là bà L. Giấy ghi nhận nợ ngày 12/12/2019, không ghi thoả thuận về lãi suất và thời gian trả nợ.

Tình tiết, sự kiện nêu trên các đương sự thừa nhận nên không cần chứng minh, phù hợp với điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

*“1. Những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.....”*

*“2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

[5] Nội dung tranh chấp: Đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi suất phát sinh khi vay số tiền 65.000.000 đồng, trong thời gian vay từ ngày 12/12/2019 đến ngày 22/10/2021 (22 tháng 10 ngày), thành tiền 29.000.000 đồng (tương đương lãi suất 2%/tháng, 24%/năm). Nguyên đơn không đưa ra thêm chứng cứ để bảo vệ yêu cầu khởi kiện của mình. Như vậy, với mức lãi suất 24%/năm, đã vi phạm Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định về mức tính lãi suất.

Tại phiên toà, bà L thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu tính lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 12/12/2019 đến ngày 22/10/2021 đối với số tiền vay 65.000.000 đồng, thành tiền 24.097.000 đồng.

Bà Đ, ông T không chấp nhận lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn, vì: Đây là hợp đồng mượn tiền, ngày từ đâu không thỏa thuận về lãi suất, giấy xác nhận nợ ngày 12/12/2019 không ghi thỏa thuận về lãi suất.

Tuy nhiên, bị đơn thừa nhận trước đây giữa bị đơn và nguyên đơn có thỏa thuận vay tiền và tính lãi suất rất nhiều lần (bị đơn không nhớ cụ thể), ngoài ra ông T cũng khai “Ông T có nói với bà Đ mang đến trả cho bà L số tiền 13.000.000 đồng, vì nghĩ rằng bà L tuổi già và hàng xóm nhưng bà L không nhận. Vì có nghe bà Đ nói là trả tiền lãi suất cho bà L theo lãi suất ngân hàng”. Giấy ghi nợ tiền lãi vào ngày 22/10/2021, bà L bị ép buộc nên đã ghi và ký xác nhận nợ tiền lãi, nhưng bà Đ và ông T không đưa ra được chứng cứ để chứng minh bà L bị ép buộc ký xác nhận nợ số tiền lãi 29.000.000 đồng vào ngày 22/10/2021.

Như vậy, giấy ghi nợ tiền ngày 12/12/2019 là hợp đồng vay tiền và trong giấy vay tiền không ghi thỏa thuận về lãi suất và không có thời hạn trả nợ. Nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất và bị đơn không đồng ý tính lãi suất vì ngày từ đâu không thỏa thuận về lãi suất, các bên có tranh chấp về lãi suất. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất đối với yêu cầu của nguyên đơn L phù hợp.

Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự quy định:

*“2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được quy xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”*.

Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định:

*“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, ....”*

*“2. ....có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*

[6] Từ những căn cứ, lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà L, buộc bà Đ có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi suất, cụ thể: 65.000.000 đồng x 0,833%/tháng (10%/năm) x 22 tháng 10 ngày (từ ngày 12/12/2019 đến ngày 22/10/2021) = 12.092.383 đồng (*Mười hai triệu, không trăm chín mươi hai ngàn, ba trăm tám mươi ba đồng*) cho bà L là có cơ sở.

Tại phiên toà, bà L yêu cầu bà Đ thanh toán tổng số tiền 24.097.000 đồng L không có cơ sở. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, chấp nhận số tiền lãi 12.092.383 đồng, Hội đồng xét xử không chấp nhận số tiền còn lại là 12.004.617 đồng theo yêu cầu của bà L.

[7] Về án phí dân sự: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần, số tiền được chấp nhận 12.092.383 đồng (12.092.383 đồng x 5%) nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 604.619 đồng.

Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.230 đồng, đối với số tiền 12.004.617 đồng không được chấp nhận (12.004.617 đồng x 5%). Tuy nhiên, bà L có đơn xin miễn nộp án phí (nộp tại phiên tòa), đồng thời là người đã trên 60 tuổi (sinh năm 1948) nên thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi "... từ đủ 60 tuổi trở lên", căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện và thay đổi nội dung khởi kiện tại phiên tòa của nguyên đơn. Chấp nhận tính lãi suất 20%/năm, thời hạn vay từ ngày 12/12/2019 đến ngày 22/10/2021, thành tiền 24.097.000 đồng cho nguyên đơn.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thống nhất được về tính lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất và bị đơn không đồng ý tính lãi suất vì ngày từ đâu không thỏa thuận về lãi suất, các bên có tranh chấp về lãi suất, trong giấy xác nhận nợ ngày 12/12/2019 không ghi thỏa thuận về lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên!*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92, Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 278, 280, 351 352, 353, 357, 463, 465, 466 , 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, của Hội đồng thẩm phán tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu đơn khởi kiện của nguyên đơn bà L đối với bị đơn bà Đ.

2. Buộc bà Đ phải thanh toán số tiền 12.092.383 đồng (*Mười hai triệu, không trăm chín mươi hai ngàn, ba trăm tám mươi ba đồng*) cho bà L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với số tiền 12.004.617 đồng (*Mười hai triệu, không trăm lẻ bốn ngàn, sáu trăm mười bảy đồng*).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đ phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 604.619 đồng (*Sáu trăm lẻ bốn ngàn, sáu trăm mười chín đồng*) và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Bà L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L số tiền 725.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008043, ngày 23/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nông, tỉnh Đắk Nông.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông nô;
- Chi cục THADS huyện Krông nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Hồng Duy**



